

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Số: 65 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hảo Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trâm;

2. Ông Bùi Văn Khắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2017/ST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ:, ấp A, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M (Mn), sinh năm 1967; Địa chỉ: Số X/A, tổ XX, ấp K, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018, lời trình bày trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Bà T, ông M chung sống hạnh phúc đến năm 1990

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông M không lo làm ăn, chăm sóc vợ con cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1990 đến nay. Hiện tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Thị L, sinh năm 1989, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chung sống khoảng 01 năm thì ly thân cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý do không thể hàn gắn được nữa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông M là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Bà T, ông M tự nguyện chung sống từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới. Đến năm 1990 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông M. Do bà T, ông M sống chung không có đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà T, ông M là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị L, sinh năm 1989, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Trần Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông M theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Chung sống hạnh phúc đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1990 đến nay. Hiện tình cảm không còn nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Xét yêu cầu và lời trình bày của bà T và ông M thấy rằng: Ông bà sống chung không có đăng ký kết hôn nên theo quy định của luật hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa bà T và ông M không phải là vợ chồng do đó cần tuyên bố không công nhận bà Lê Thị T và ông Trần Văn M là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị T và ông Trần Văn M là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị L, sinh năm 1989, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019446 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà T đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bà T, ông M biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát